

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1866/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 26 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Công Thương
áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về
kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số
01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi
hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của
Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ
tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 158/TTr-SCT
ngày 10 tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ
tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương áp dụng trên
địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



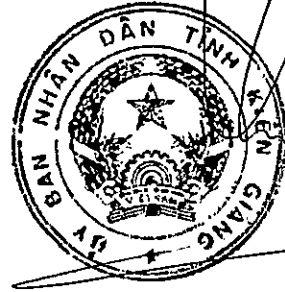
- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, CVNC, Trung tâm PVHCC;
- Cổng Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: VT, phmanh.

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



A large, stylized handwritten signature in black ink is written over the official seal and the text 'CHỦ TỊCH' and 'PHÓ CHỦ TỊCH'.

Nguyễn Đức Chín

QUY TRÌNH NỘI BỘ
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KIÊN GIANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
I	LĨNH VỰC: VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ (07 TTHC)
1.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương.
3.	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
4.	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
5.	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
6.	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
7.	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
II	LĨNH VỰC: HÓA CHẤT (06 TTHC)
8.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
9.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
11.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
12.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
III	LĨNH VỰC: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ (01 TTHC)
14.	Cấp thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
IV	LĨNH VỰC: AN TOÀN THỰC PHẨM (02 TTHC)
15.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.
16.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.
V	LĨNH VỰC: KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG - LPG (12 TTHC)
17.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
18.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
19.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
20.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
21.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
22.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
23.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
24.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
25.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
26.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
27.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
28.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
VI	LĨNH VỰC: KHÍ THIÊN NHIÊN HÓA LỎNG - LNG (06 TTHC)
29.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
30.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
31.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
32.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
33.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
34.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VII	LĨNH VỰC: KHÍ THIÊN NHIÊN NÉN – CNG (06 TTHC)
35.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải CNG
36.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
37.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
38.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
39.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
40.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
VIII	LĨNH VỰC: ĐIỆN (13 TTHC)
41.	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện
42.	Cấp lại thẻ an toàn điện
43.	Huấn luyện và cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện
44.	Cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực thuộc thẩm quyền cấp của địa phương, bao gồm: - Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương. - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.
45.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực thuộc thẩm quyền cấp của địa phương, bao gồm: - Tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương. - Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35 kV, đăng ký doanh nghiệp tại địa phương.
46.	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương
47.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03 MW đặt tại địa phương
48.	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương
49.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương
50.	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
	phương
51.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương
52.	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
53.	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ
IX	LĨNH VỰC: CÔNG NGHIỆP NẶNG (01 TTHC)
54.	Cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa
X	LĨNH VỰC: XUẤT NHẬP KHẨU (01 TTHC)
55.	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới
XI	LĨNH VỰC: XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI (06 TTHC)
56.	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính mai rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
57.	Đăng ký sửa đổi/ bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
58.	Thông báo thực hiện khuyến mại.
59.	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại
60.	Đăng ký tổ chức Hội chợ/ triển lãm thương mại tại Việt Nam
61.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ triển lãm thương mại tại Việt Nam
XII	LĨNH VỰC: QUẢN LÝ CẠNH TRANH (05 TTHC)
62.	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
63.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
64.	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
65.	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo
66.	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương
XIII	LĨNH VỰC: THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (21 TTHC)
67.	Cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
68.	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
69.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
70.	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
71.	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép
72.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa
73.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn
74.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí
75.	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP
76.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
77.	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
78.	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP
79.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
80.	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)
81.	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
82.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²
83.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại



STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
84.	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini
85.	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
86.	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
87.	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động
XIV	LĨNH VỰC: LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC (26 TTHC)
88.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
89.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
90.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
91.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
92.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
93.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
94.	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
95.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
96.	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá
97.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
98.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
99.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương
100.	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
101.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
102.	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu
103.	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
104.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
105.	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
106.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
107.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
108.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
109.	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
110.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
111.	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
112.	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công
113.	Thủ tục tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
XV	LĨNH VỰC: GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI (02 TTHC)
114.	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại
115.	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại
XVI	LĨNH VỰC: DẦU KHÍ (03 TTHC)
116.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho xăng dầu có dung tích kho từ trên 210m ³ đến dưới 5.000m ³
117.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LPG có dung tích kho dưới 5.000m ³
118.	Thẩm định, phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đối với dự án đầu tư xây dựng công trình kho LNG có dung tích kho dưới 5.000m ³
XVII	LĨNH VỰC: NĂNG LƯỢNG (01 TTHC)
119.	Quy trình một cửa liên thông giải quyết thủ tục cấp điện qua lưới trung áp giữa ngành điện và các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. (Phần nội dung do Sở Công Thương thực hiện: Điều chỉnh, bổ sung hợp phần quy hoạch không theo chu kỳ đối với công trình có tổng công suất lớn hơn 2.000 kVA)